TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bé
Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:153/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh C ..
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh C ..
Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau năm 2005. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 02/2022 thì vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, mặc dù hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh và chị T đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy hôn nhân giữa anh và chị T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị T có 02 người con chung tên: Nguyễn Thị Huyền sinh năm 1999 và Nguyễn Văn Hiển sinh năm 2001. Các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày bổ sung gì thêm.

** Bị đơn là chị Lê Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là chị Lê Thị T có địa chỉ cư trú tại ấp Cái Bát, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo anh D trình bày, hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng 22/2022 thì vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, mặc dù hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh và chị T đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy hôn nhân giữa anh và chị T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Đối với chị T, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng

cứ hay ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của anh D. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh D và chị T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như anh D xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, cho anh D được ly hôn với chị Lê Thị T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh D và chị T có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Huyền sinh năm 1999 và Nguyễn Văn Hiễn sinh năm 2001 đều đã trưởng thành nên **Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.**

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung: Anh D xác định anhị và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh D xác định anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, cho anh D được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 13 tháng 02 năm 2023 anh D có dự nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008799 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Hòa Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lộc **Trần Hoàng Bé** **Tăng Thị Nhớ**